TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HSST
Ngày: 04/7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2018/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phùng Văn T; Sinh năm: 1997, tại tỉnh T

Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B; số chứng minh nhân dân 285661900; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Hoa; con ông Phùng Văn X, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1975; Có vợ là Triệu Thị V, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2018 cho đến nay. (Có mặt)

- Người bị hại:
1/ Anh Nguyễn Khắc V; Sinh năm: 1977 (vắng mặt)
2/ Anh Bon Krong Ha T; Sinh năm: 1988 (vắng mặt)
3/ Ông Trần Sỹ T1; Sinh năm: 1968 (vắng mặt)
4/ Anh Đoàn Tuấn A; Sinh năm: 1991 (vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Anh Trần Văn M; Sinh năm: 1990 (vắng mặt)
2/ Anh Nông Văn T2; Sinh năm: 2001 (vắng mặt)
3/ Anh Lý Hải Đ; Sinh năm: 2000 (vắng mặt)
Hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ công an huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
4/ Anh Hoàng Hữu T3; Sinh năm: 1999 (vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn b, xã P, huyện B, tỉnh B

5/ Anh Hoàng Ngọc H; Sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã B, huyện B, tỉnh B.

- Người đại diện hợp pháp cho anh Nông Văn T2: Bà Ma Thị L; Sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã B, huyện B, tỉnh B.

- Người đại diện hợp pháp cho anh Hoàng Ngọc H: Ông Hoàng Văn T; Sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã B, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp cho anh Lý Hải Đ: Ông Lý Văn B; Sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Trú tại: thôn c, xã B, huyện B, tỉnh B.

- Người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T: Luật sư Huỳnh Thanh H1 – Chi nhánh văn phòng luật sư Nguyễn Đạt Trí - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: đường x, ấp d, xã T, huyện C, thành phố P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tối ngày 14/02/2017, Trần Văn M, Nông Văn T2, Hoàng Hữu T3, Hoàng Ngọc H, Lý Hải Đ và Phùng Văn T ngồi uống rượu tại nhà của M tại thôn E, xã Đ. Trong lúc uống rượu, M rủ cả nhóm đi vào các trại nuôi ong tại thôn A, xã Đ xin tiền mua rượu uống. Nghe M nói vậy tất cả cùng đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm ngừng uống rượu. M vào nhà lấy 01 cây mã tấu dài khoảng 60cm, T2 cũng đi vào nhà M lấy 02 cây túyp sắt dài khoảng 60cm ra đưa cho Đ, H mỗi người cầm 01 cây. Chuẩn bị xong, T2 điều khiển xe môtô biển kiểm soát 93M1-028xx chở H; Đ điều khiển xe môtô biển kiểm soát 93L1-279xx chở T3, còn T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở M. Tất cả đi vào trại nuôi ong của anh Trần Sỹ T1. M nói với anh T1 “Chú xem thế nào cho bọn cháu xin ít tiền uống càfê”, anh T1 không đồng ý. Lúc này, chị Nguyễn Thị Nhung (vợ anh T1) cùng anh T1 nói cho lấy mấy thùng ong. Nghe anh T1 nói vậy M liền dùng tay phải đấm 01 cái vào mặt anh T1 nhưng anh T1 tránh được và bỏ chạy. M ra xe môtô lấy mã tấu chém vào các thùng nuôi ong và nói H, T3, T2 và Đ dùng tuýp sắt, chân đạp đổ một số thùng nuôi ong. Sau đó cả nhóm đi qua trại nuôi ong của anh Bon Krong Ha T. Cả nhóm hỏi anh T xin tiền nhưng anh T nói chỉ là người làm thuê không có tiền, để gọi điện thoại cho chủ trại ong đến giải quyết. Khi anh T vừa lấy điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 730 ra thì M giật điện thoại trên tay anh T rồi đưa cho T cầm, M nói T2 dùng xe môtô chở anh T ra gặp chủ để lấy tiền, T2 chở anh T đi được khoảng 05 phút thì M dùng điện thoại nói T2 quay lại. Cả nhóm tiếp tục qua trại nuôi ong của anh Nguyễn Khắc V ở gần đó. Tới nơi, Đ phát hiện 02 con dao thái để trên thùng nuôi ong nên cầm lấy rồi hỏi xin tiền, anh V lấy tiền trong ví ra đưa cho Đ 1.000.000đ, Đ nhìn thấy anh V còn tiền nên kề dao vào cổ anh V và giật số tiền 500.000đ còn lại trong ví anh V. Cả nhóm

tiếp tục đi qua trại nuôi ong của anh Đàm Tuấn A đe dọa lấy tiền, anh A nói tiền để ở trên xe tải để ra lấy. Lúc này, anh Phạm Văn L là hàng xóm gần đó cầm xà beng đến đuổi đánh thì tất cả bỏ chạy, riêng M đứng lại giằng co với anh L rồi giật được xà beng trên tay anh L và đánh vào vai trái và cổ tay phải của anh L nhưng không gây thương tích. Sau đó cả nhóm vứt hung khí và đi về. Ngày 03/01/2018, Phùng Văn T đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐG ngày 31/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: 01 Điện thoại Nokia Lumia 730, màu đen có giá trị là 1.500.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đã xử lý tại bản án số 111/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đối với 01 xe môtô không rõ biển số Phùng Văn T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do T mượn của Chu Văn K, hiện nay chưa làm việc được với K nên chưa xác định được chủ sở hữu nên tách ra xác minh xử lý sau.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (của anh T) M đưa cho T cầm trên đường bỏ chạy T đã làm rơi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Đã xử lý tại bản án số 111/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng. Phùng Văn T tự nguyện giao nộp 1.500.000 đồng để bồi thường cho bị hại anh Bon Krong Ha T.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT –VKS.BĐ ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Phùng Văn T về "Tội cướp tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm "Tội cướp tài sản"; về hình phạt, áp dụng theo điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 05 đến 06 năm tù. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Phùng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 22 giờ ngày 14/02/2017, Trần Văn M đã khởi xướng cùng Nông Văn T2, Hoàng Hữu T3, Lý Hải Đ, Hoàng Ngọc H và bị cáo Phùng Văn T đi vào các trại nuôi ong ở địa bàn xã, huyện B để xin tiền. M, T2, T3, Đ và H đã dùng mã tấu, tuýp sắt và dao đe dọa chiếm đoạt của anh Bon Krong Ha T 01 điện thoại di động trị giá 1.500.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Khắc V số tiền 1.500.000 đồng. Mặc dù bị cáo Phùng Văn T không trực tiếp dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với những người bị hại, nhưng bị cáo là người tiếp nhận ý chí và là người giúp sức.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Phùng Văn T đã phạm vào "Tội cướp tài sản", quy định tại theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bồng bột và coi thường pháp luật, nên khi đồng phạm rủ rê đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác đây là quyền sở hữu tài sản được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm

b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự 1999. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình sự 1999.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại Bản án số 111/2018/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; Đối với 01 xe môtô không rõ biển số Phùng Văn T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do T mượn của Chu Văn K, hiện nay chưa làm việc được với K nên chưa xác định được chủ sở hữu nên tách ra xác minh xử lý sau; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của anh T, M đưa cho T cầm trên đường bỏ chạy T đã làm rơi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý tại Bản án số 111/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Phùng Văn T tự nguyện giao nộp 1.500.000 đồng khắc phục hậu quả cho anh Bon Krong Ha T nên cần tuyên trả số tiền này cho anh Bon Krong Ha T.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Trần Văn M, Nông Văn T2, Hoàng Hữu T3, Lý Hải Đ, Hoàng Ngọc H đã được xử lý tại Bản án số 26/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nên không đề cập xử lý.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng ngoài 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát nêu, bị cáo còn có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo đã ngăn chặm, làm giảm bớt tác hại của tội phạm và gây thiệt hại không lớn. Ngoài ra luật sư cho rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo có lời ngăn cản sau khi thực hiện hành vi thứ nhất. Tuy nhiên sự ngăn cản của bị cáo là không quyết liệt và tiếp tục thực hiện 03 hành vi sau. Mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tội phạm mà bị cáo và đồng phạm thực hiện là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến tài sản mà còn đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó, quan điểm của luật sư về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên xét thấy vai trò của bị cáo là thứ yếu nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo so với mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm "Tội cướp tài sản".

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 133, Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 33, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bon Krong Ha T được nhận số tiền bồi thường là 1.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. (Theo biên bản giao nhận số 0009602 ngày 08/5/2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long